

Bản án số: **2099/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 18-12-2020

Về việc Tranh chấp về xác định
cha cho con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhung.

Bà Nguyễn Thị Nở.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Cao Hoàng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 650/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp về xác định cha cho con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 6009/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Tất Vĩnh H, sinh năm 1985; nơi đăng ký thường trú: Số X Lô L, chung cư C, đường D, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số X1 đường D1, Phường P1, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Tiểu L, sinh năm 1982; nơi đăng ký thường trú: Số X2 Lô L1 chung cư C, đường D, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số X1 đường D1, Phường P1, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông S, sinh năm 1962; Quốc tịch: Đức; địa chỉ: Cộng Hòa Liên Bang Đức. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Tất Vĩnh H trình bày: Vào năm 2018, ông và bà Trần Tiểu L, sinh năm 1982 có quan hệ tình cảm với nhau. Trong thời gian này, bà L có thai và sinh 01 trẻ vào ngày 11 tháng 10 năm 2018, tên dự kiến của bé là Trần Lâm L1. Ông biết việc bà L khi chung sống với ông thì vẫn còn quan hệ hôn nhân hợp pháp với ông S, sinh năm 1962; Quốc tịch: Đức, nhưng bà L và ông S không thực tế chung sống với nhau. Ngày 13 tháng 6 năm 2019, bà L và ông S ly hôn theo Bản án số X2 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó xác định bà L và ông S không có con chung. Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định trẻ theo Giấy chứng sinh Số X3 Quyền số X4 ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Bệnh viện B, mẹ là bà Trần Tiểu L, sinh năm 1982, nơi đăng ký thường trú: Số X2 Lô L1 chung cư C, đường D, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh là con đẻ của ông.

Bị đơn bà Trần Tiểu L trình bày: Bà và ông S kết hôn hợp pháp theo Giấy chứng nhận vào sổ đăng ký kết hôn số 2478 quyền số 12 ngày 15 tháng 10 năm 2014 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 09 tháng 10 năm 2014 và đã ly hôn theo Bản án số X2 ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; khi ly hôn, bà và ông S cùng xác định giữa hai người không có con chung. Từ đầu năm 2018, bà và ông Tất Vĩnh H quen biết rồi có quan hệ tình cảm với nhau, khi đó, mặc dù bà chưa làm thủ tục ly hôn ông S nhưng vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2017, ông S sinh sống tại Cộng hòa liên bang Đức còn bà sinh sống tại Việt Nam. Vào ngày 11 tháng 10 năm 2018, bà sinh 01 trẻ tại Bệnh viện B, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh, tên dự kiến là Trần Lâm L1. Bà xác định, trẻ này là con chung của bà và ông Tất Vĩnh H, do đó, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tất Vĩnh H, xác định trẻ (tên dự kiến là Trần Lâm L1) do bà sinh vào ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại Bệnh viện B, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh là con ruột của ông H.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông S: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo thời gian và địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Cộng hòa liên bang Đức, theo địa chỉ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông S có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc ông Tất Vĩnh H khởi kiện tranh chấp xác định cha cho con (theo Công văn ủy thác tư pháp số X3 ngày 10 tháng 02 năm 2020). Đến ngày mở phiên tòa như đã định tại thông báo gửi đương sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

không nhận được văn bản thông báo về kết quả tổng đạt cũng như bản tự khai, tài liệu, chứng cứ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đương sự vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Để đảm bảo việc giải quyết vụ án theo đúng thời hạn luật định và bảo đảm quyền lợi của đương sự khác, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ án có yếu tố nước ngoài, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền; thủ tục ủy thác tư pháp đã được tiến hành hợp lệ. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đã có văn bản trình bày ý kiến giao nộp cho Tòa án và có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lời khai, tài liệu, chứng cứ, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án giải quyết vụ án theo luật định. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Theo trình bày của ông Tất Vĩnh H, bà Trần Tiểu L thì trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L và ông S, ông H và bà L có quan hệ tình cảm khi bà L sống ly thân với chồng. Ngày 11 tháng 10 năm 2018, bà L sinh 01 trẻ tại Bệnh viện B, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh, tên dự kiến là Trần Lâm L1. Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định trẻ có tên dự kiến là Trần Lâm L1 là con chung của bà L và ông H. Mặc dù thời điểm bà L mang thai và sinh trẻ có tên dự kiến là Trần Lâm L1 thì bà L chưa ly hôn ông S nhưng cả bà L và ông S cùng thừa nhận hai người không có con chung và sống ly thân từ cuối năm 2017 khi ly hôn tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Bản án số X2 ngày 13 tháng 6 năm 2019). Theo Kết luận giám định Số X4 ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Phân viện K tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Ông Tất Vĩnh H là cha ruột của trẻ mang Giấy chứng sinh Số X3 Quyển số X4 ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Bệnh viện B, với xác suất 99.997%. Có đủ cơ sở để xác định ông Tất Vĩnh H là cha đẻ của trẻ do mẹ là bà Trần Tiểu L sinh vào ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại Bệnh viện B, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng sinh Số X3 Quyển số X4. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do vụ án tranh chấp xác định cha cho con chưa thành niên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí nên nguyên đơn ông Tất Vĩnh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của nguyên đơn tại bản tự khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về xác định cha cho con; người khởi kiện có quyền khởi kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 101 và Khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông S quốc tịch Đức, hiện đang cư trú tại Cộng hòa liên bang Đức; nguyên đơn ông Tất Vĩnh H cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Điều 128 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt thông báo về thời gian và địa điểm mở phiên tòa cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thông qua thủ tục ủy thác tư pháp nhưng không có thông báo về kết quả tổng đạt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Xét, yêu cầu và ý kiến của nguyên đơn, bị đơn đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Khoản 4 và 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Căn cứ Giấy chứng sinh Số X3 Quyền số X4 của Bệnh viện B, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh và lời khai của bị đơn bà Trần Tiểu L thì ngày 11 tháng 10 năm 2018, bà L sinh 01 trẻ giới tính nữ, tên dự kiến là Trần Lâm L1; nguyên đơn ông Tất Vĩnh H khởi kiện yêu cầu xác định trẻ này là con ruột của ông.

[4] Căn cứ Bản án số X2 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xác định: Ngày 09 tháng 10 năm 2014 bà Trần Tiểu L kết hôn với ông S (theo Giấy chứng nhận vào sổ đăng ký kết hôn số X5 quyền số X6 ngày 15 tháng 10 năm 2014 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp), đến ngày 13 tháng 6 năm 2019 thì ly hôn. Nội dung Bản án số X2 thể hiện bà L và ông S đã sống ly thân từ cuối năm 2017 và giữa hai người không có con chung.

[5] Nguyên đơn ông Tất Vĩnh H và bị đơn bà Trần Tiểu L cùng trình bày giữa hai người có mối quan hệ tình cảm và chung sống với nhau từ đầu năm 2018, đến ngày 11 tháng 10 năm 2018 bà L sinh 01 trẻ tên dự kiến là Trần Lâm L1 là con chung của ông H và bà L.

[6] Tại Kết luận giám định Số X4 ngày 07 tháng 02 năm 2020, Phân viện K tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành giám định gen (ADN) giữa ông Tất Vĩnh H và trẻ theo Giấy chứng sinh Số X3 Quyển số X4 ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Bệnh viện B, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định trưng cầu giám định số X7 ngày 29 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh), kết luận: Ông Tất Vĩnh H là cha ruột của trẻ mang Giấy chứng sinh Số X3 Quyển số X4 ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Bệnh viện B, với xác suất 99.997%.

[7] Với những tài liệu, chứng cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 63 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 về xác định cha, mẹ thì con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ đó là con chung của vợ chồng. Tuy nhiên, bà Trần Tiểu L sinh con vào ngày 11 tháng 10 năm 2018 là trong thời kỳ hôn nhân với ông S (đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 10 năm 2014, ly hôn ngày 13 tháng 6 năm 2019) nhưng khi ly hôn theo Bản án số X2 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, bà L và ông S đều xác định hai người không còn chung sống từ cuối năm 2017 và không có con chung. Mặt khác, qua lời trình bày của nguyên đơn ông Tất Vĩnh H, bị đơn bà Trần Tiểu L và kết quả giám định gen (ADN), có cơ sở để xác định trẻ (tên dự kiến là Trần Lâm L1) sinh ngày 11 tháng 10 năm 2018, Giấy chứng sinh Số X3 Quyển số X4 của Bệnh viện B, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh là con của bà Trần Tiểu L và ông Tất Vĩnh H.

Có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định ông Tất Vĩnh H là cha đẻ của trẻ sinh ngày 11 tháng 10 năm 2018 theo Giấy chứng sinh Số X3 Quyển số X4 của Bệnh viện B, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[8] Ông Tất Vĩnh H có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cha và con theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan đối với trẻ (tên dự kiến là Trần Lâm L1) sinh ngày 11 tháng 10 năm 2018 theo Giấy chứng sinh Số X3 Quyển số X4 của Bệnh viện B, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm; lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 4 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Khoản 4 và Điểm c Khoản 5 Điều 477, Khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 63 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 68, 69, 70, 71, 72, 73, 88 và 89; Khoản 2 Điều 101; Khoản 2 Điều 102 và Điều 128 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tất Vĩnh H:

1. Xác định: Ông Tất Vĩnh H, sinh ngày 03 tháng 10 năm 1985; số căn cước công dân: 079085012189 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25 tháng 12 năm 2018; nơi thường trú: Số 216 Lô B chung cư Lý Thường Kiệt, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh là cha đẻ của trẻ theo Giấy chứng sinh Số X3 Quyển số X4 ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Bệnh viện B, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh, giới tính: Nữ; có mẹ là bà Trần Tiểu L, sinh năm 1982; nơi đăng ký thường trú: Số X2 Lô L1 chung cư C, đường D, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về quyền và nghĩa vụ của cha và con: Ông Tất Vĩnh H có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của cha và con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật Dân sự và các luật có liên quan khác.

II. Án phí dân sự sơ thẩm; lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Nguyên đơn ông Tất Vĩnh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số X8 ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, nhận tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Tất Vĩnh H chịu toàn bộ lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Tòa án xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông S theo quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Phường P, Quận Q, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS. (TC25)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn